

# Bài tập đọc hiểu cho học sinh lớp 2 theo hướng phát triển năng lực

Lê Thị Mai An

Email: lethimaian.dth@gmail.com  
Trưởng Đại học Đồng Tháp  
783 Phạm Hữu Lầu, thành phố Cao Lãnh,  
tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**TÓM TẮT:** *Đọc là một hoạt động ngôn ngữ của chương trình Tiếng Việt ở tiểu học, đảm bảo cho mỗi cá nhân phát triển tốt trong học tập, làm việc và giao tiếp. Đây là vấn đề đã được nghiên cứu nhiều nhưng nó vẫn còn cần được nhìn nhận sâu và kĩ hơn nữa. Bám sát mục tiêu phát triển năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, chúng tôi đề xuất biện pháp đọc hiểu ở một trường hợp lựa chọn là bài tập đọc hiểu. Chúng tôi chọn một số bài tập để tiến hành thực nghiệm vì đây là bài tập đáp ứng được những tiêu chí mà nghiên cứu này đặt ra là theo hướng phát triển năng lực nhưng vẫn vừa sức học sinh.*

**TỪ KHÓA:** Năng lực, đọc hiểu, môn Tiếng Việt, bài tập.

→ Nhận bài 15/5/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 24/8/2022 → Duyệt đăng 15/9/2022.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210907>

## 1. Đặt vấn đề

Vấn đề phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh thông qua hoạt động đọc hiểu văn bản đã được đặt ra từ nhiều năm. Các nhà giáo dục, nhà quản lí, giáo viên, học sinh đều hiểu được tầm quan trọng của năng lực đọc hiểu trong việc dạy học môn Tiếng Việt. Tuy nhiên, quá trình dạy đọc hiểu cho học sinh chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Về phía giáo viên, có thể thấy giáo viên vẫn theo thói quen truyền đạt kết quả đọc hiểu, coi nhẹ việc hướng dẫn học sinh cách tiếp cận, cách đọc, phương pháp đọc văn bản; giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp hỏi đáp, chưa chú ý phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức... Về phía học sinh, kết quả học đọc của học sinh chưa đáp ứng được yêu cầu hình thành năng lực đọc hiểu; học sinh đọc nhưng không nắm được điều gì là cốt yếu. Đặt vấn đề dạy đọc hiểu văn bản theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh trong thời điểm hiện nay, chúng tôi đề xuất cách thức thực hiện mới đối với một hoạt động giáo dục quen thuộc: Đó là hệ thống bài tập đọc hiểu cho học sinh lớp 2.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Đọc hiểu và bài tập đọc hiểu tiếng Việt

#### 2.1.1. Văn bản và đọc hiểu văn bản

Phát hiện ra văn bản là một sự kiện quan trọng trong những nghiên cứu đầu thế kỉ XX. Trong đó, điểm nổi bật nhất của lí thuyết về văn bản là xác định ý nghĩa của tác phẩm không phải là một cái gì đương nhiên, có sẵn trong văn bản. Bởi vì, văn bản là một sản phẩm của lời nói, một chỉnh thể ngôn ngữ, thường bao gồm một tập hợp các câu và có thể có một đầu đề, nhất quán về chủ đề và trọn vẹn về nội dung, được tổ chức theo một kết cấu chặt chẽ nhằm một mục đích giao tiếp nhất định.

Văn bản là một chỉnh thể, một khối thống nhất có tổ chức của các thành tố hợp thành, một thông báo mà tác giả gửi tới người đọc. Truyền thông tin, chế biến thông tin mới và bảo quản thông tin là ba chức năng chính của văn bản. Nghĩa của một văn bản được xác định bởi quan hệ của nó với thực tại ngoài văn bản, các văn bản khác và với từng cá nhân, kí ức và các phẩm chất khác của tác giả và người đọc.

Quan niệm về đọc hiểu văn bản được nhiều nhà nghiên cứu và tìm hiểu sâu. Văn bản đọc hiểu là một tập hợp kí hiệu (hình thức) để biểu đạt một ý nghĩa, hàm chứa một thông điệp (nội dung). Quá trình tiếp nhận văn bản là quá trình người đọc sử dụng thao tác tư duy để kiến tạo ý nghĩa văn bản. Các thao tác được sử dụng rất đa dạng, phong phú trên kiến thức nền của người đọc. Kiến thức nền là những kinh nghiệm, kiến thức về thế giới, kiến thức về cấu trúc tổng thể của văn bản, kiến thức về ngôn ngữ đích mà người đọc có thể vận dụng khi tiếp cận văn bản. Bên cạnh đó, trong quá trình tiếp nhận văn bản, người đọc luôn bị ảnh hưởng bởi sự hứng thú, tính tò mò.

#### 2.1.2. Bài tập đọc hiểu tiếng Việt

Thành tựu về lí thuyết hoạt động lời nói chỉ ra rằng: Đơn vị của việc dạy và học tiếng là các hành động lời nói chứ không phải là các đơn vị ngôn ngữ đã trừu tượng hóa. Hành động nói năng tạo ra đặc trưng của quá trình dạy và học tiếng. Muốn tối ưu hóa quá trình dạy học tiếng Việt phải tối ưu hóa hoạt động nói năng của học sinh. Ở trường tiểu học, dạy tiếng Việt là tổ chức hoạt động lời nói. Đối với học sinh, có thể xem giải bài tập tiếng Việt là hình thức hoạt động chủ yếu. Các bài tập tiếng Việt là phương tiện rất có hiệu quả và không thể thay thế được trong việc giúp học sinh có

năng lực ngôn ngữ, phát triển tư duy. Hoạt động giải bài tập tiếng Việt là điều kiện để thực hiện tốt các mục đích dạy học. Điều làm cho phương pháp dạy học tiếng Việt có sự phát triển về chất là sự ra đời của lí thuyết hoạt động lời nói mà ở đó tác giả quan niệm về sự hình thành phát triển ngôn ngữ như là hình thành phát triển một hoạt động. Hệ quả kéo theo là việc dạy tiếng không chỉ cung cấp một kho tri thức thụ động về ngôn ngữ. Muốn hình thành, phát triển lời nói phải thông qua bài tập tiếng Việt. Quan điểm hoạt động lời nói đã đưa bài tập dạy tiếng lên ưu tiên hàng đầu. Vì vậy, hệ thống bài tập phải xây dựng sao cho giúp học sinh thực hiện đến mức thành thạo các năng lực ngôn ngữ.

Bài tập tiếng Việt chính là đích đến của hoạt động sau đọc, đồng thời cũng là những phương tiện để đạt được sự thông hiểu văn bản của học sinh. Để xây dựng bài tập đọc hiểu phù hợp cần xuất phát từ việc quan tâm đến thể hiện năng lực đọc hiểu của học sinh như thế nào ở các bối cảnh, tình huống phức hợp và thực tiễn. Muốn vậy, phải thiết kế hệ thống bài tập đọc hiểu nhằm thực hiện đến mức thành thạo những kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho học sinh, đưa học sinh vào các tình huống học tập phục vụ cho mục đích phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ. Bằng cách đó, giáo viên sẽ tạo ra đường phát triển năng lực cho học sinh.

## 2.2. Thực trạng dạy học đọc hiểu của học sinh lớp 2

### 2.2.1. Năng lực tổ chức dạy học đọc hiểu của giáo viên

Tham dự các tiết dạy năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 2 trong 10 tuần (02 tuần kiến tập và 08 tuần thực tập) của 02 năm học liền kề 2020 - 2021 và 2021 - 2022 tại Trường Tiểu học Lê Văn Tám (nội ô thuộc thành phố Cao Lãnh); Trường Tiểu học Mỹ Phú (ngoại ô thuộc thành phố Cao Lãnh); Trường Tiểu học Nguyễn Huệ (vùng biên giới giáp ranh với Campuchia), chúng tôi nhận thấy các ưu điểm và hạn chế sau:

- *Ưu điểm:* Giáo viên dạy tại 03 cơ sở trên đều đạt chuẩn (bằng Cử nhân Giáo dục tiểu học), được đào tạo đúng vị trí việc làm, có kinh nghiệm giảng dạy và kiến thức chuyên môn vững. Nhiều giáo viên bám sát quy trình tổ chức dạy học đọc, chú trọng phân tích và giảng giải thêm (tuần 21, 22, 23, Tiếng Việt 2 - Chân trời sáng tạo). Một vài tiết giáo viên tổ chức sinh động, hấp dẫn (tuần 11, 12, Tiếng Việt 2 - Sách hiện hành). Mặt khác, giáo viên không ngừng nâng cao trình độ và khả năng bằng tự học, tự nghiên cứu để trang bị thêm các năng lực sư phạm liên quan. 2/3 giáo viên dạy mẫu lâu năm, có tinh thần cống hiến vì giáo dục. Học sinh 03 trường ham học và yêu thích bộ môn Tiếng Việt. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những học sinh có phần kém hơn, ít nhạy cảm với văn nhưng các em cũng tích cực tham gia vào tiến trình dạy học.

- *Những điểm chưa đạt:*

*Thứ nhất,* giáo viên chủ yếu tập trung truyền đạt hết nội dung kiến thức trong sách giáo khoa, chưa thấy được vai trò định hướng hoạt động đọc hiểu. Bởi vì, phần tìm hiểu bài đọc có bao nhiêu câu hỏi, giáo viên cố gắng giải quyết hết (93,75%), không kể bài có nội dung vừa tầm với học sinh hoặc những bài có nội dung khó. Ví dụ: Bài “Mùa đông ở vùng cao” (Tiếng Việt 2, tập 2, Chân trời sáng tạo). Đề hướng dẫn cho học sinh trả lời cho câu hỏi: *Câu văn “Cỏ không mọc nổi nhưng tam giác mạch thì nảy mầm lên xanh mướt.” nói lên điều gì?* Giáo viên yêu cầu đọc câu, trả lời và kết luận. Giáo viên gần như không xử lí tốt khâu định hướng, tức là cần phải làm gì để thực hiện. Bởi vì, để trả lời cho câu hỏi này, học sinh cần thực hiện vài thao tác: thu thập thông tin, sự am hiểu rộng, đánh giá hành động, phản ánh... mà không phải học sinh nào cũng có những năng lực này. Như vậy, vai trò định hướng của giáo viên rất quan trọng. Bên cạnh những giáo viên “trung thành” với bài tập có sẵn trong sách giáo khoa (13/16 giáo viên), phần ít giáo viên (3/16 giáo viên) soạn thêm bài tập (ở tiết dạy mẫu) nhằm liên hệ/ vận dụng thực tiễn cuộc sống cho học sinh (6,25%). Gần như không giáo viên nào sử dụng một phần bài tập trong sách giáo khoa hoặc hoàn toàn tìm hiểu dựa vào bài tập tự sáng tạo. Như vậy, thật khó để có thể gây ấn tượng cho học sinh, khó làm cho học sinh thấy thích thú, phấn khởi, say mê. Điều này có thể hiểu, giáo viên ngại tạo ra các bài tập mới.

*Thứ hai,* tiến trình dạy học đọc hiểu của giáo viên chỉ dựa vào “khuôn” có sẵn. Bất cứ bài tập đọc hiểu nào, giáo viên luôn thực hiện theo các thao tác: đọc đoạn tương ứng - đọc câu hỏi - cho học sinh suy nghĩ - trả lời - nhận xét, bổ sung - nêu đại ý. Đôi khi, bài đọc cần có “điểm nhấn” từ giáo viên để học sinh học cách cảm nhận văn bản, giáo viên lại dạy lướt qua, không khai thác được cái hay, cái đẹp của bài đọc. Ví dụ: Bài “Rừng ngập mặn Cà Mau” (Tiếng Việt 2, tập 2, Chân trời sáng tạo). “Tìm từ ngữ chỉ tên gọi một số loài động vật, thực vật trong bài đọc”. Học sinh trả lời, giáo viên kết luận: Thực vật: đước, mắm, sù vẹt, dừa nước. Động vật: cò, le le, chích bông nâu, sếu, bò nông, cò thìa, khí đuôi dài, chồn, cáo, rái cá, trăn, rắn, cá sấu, ba khía, ... Rồi chuyển sang phần đại ý của bài. Nếu tiến hành như vậy, thật sự học sinh không thể cảm nhận được sự phong phú, đa dạng của động vật, thực vật ở rừng Cà Mau. Hay cách khai thác nghệ thuật ngôn từ trong giờ đọc “Sông Hương” (Tiếng Việt 2, tập 2, Chân trời sáng tạo) chỉ là phép liệt kê đơn thuần “những sự vật có màu xanh”, bằng cách sử dụng hàng loạt tính từ chỉ màu xanh, tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường đã phả vào. Chưa kể đến, quy trình trên, không tạo ra nhiều cơ hội để học sinh được thể hiện bản thân, liên hệ thực tiễn. Học sinh tỏ ra hiểu bài, trả lời được các câu hỏi trong sách giáo

khoa, song chủ yếu đọc lại cả câu/đoạn, chưa thể hiện được sự tổng hợp, ý kiến, quan điểm riêng của bản thân.

*Thứ ba*, phương pháp dạy học đọc hiểu thường được giáo viên sử dụng theo gợi ý của sách giáo viên, sách thiết kế. Các phương pháp gần như lặp lại thường xuyên, hiếm khi thay đổi. Ví dụ: Phương pháp hỏi đáp chiếm (81,25%), phương pháp thảo luận nhóm (thường sử dụng nhóm đôi) chiếm 75%, phương pháp giải quyết vấn đề chiếm 87,5%... Vì vậy, tiết học gần như đều đều, tạo nên độ nhàm chán nhất định, ít hứng thú cho cả giáo viên và học sinh.

*Thứ tư*, các hoạt động đánh giá tiến hành đầu, trong và cuối giờ dạy chỉ thông qua quan sát, hỏi đáp, nhận xét câu trả lời. Lời nhận xét chỉ tập trung vào đúng/không đúng, chưa chỉ ra được học sinh đạt/không đạt về: nhận biết các thông tin, phân tích thông tin, phản hồi và đánh giá... Nếu chỉ dừng lại ở cách làm, có thể nhận thấy chưa chú ý đánh giá hướng đến những năng lực hình thành và phát triển sau mỗi bài tập.

### 2.2.2. Năng lực đọc hiểu của học sinh lớp 2

*Thứ nhất*, kết quả khảo sát học sinh đồng nhất với tìm thấy của nhiều nghiên cứu trước đây về kỹ năng đọc hiểu của học sinh: Đó là tình trạng học sinh là người đọc trôi chảy tốt nhưng lại kém về kỹ năng đọc hiểu. Các em có xu hướng thể hiện dễ dàng và tốt các kỹ năng đọc hiểu cấp thấp nhưng lại không thành công trong các kỹ năng đọc hiểu cấp cao như suy luận, tổng hợp thông tin để diễn giải, rút ý chính, tóm tắt hay mở rộng ý tưởng liên hệ... Trong lúc đó, chính việc nắm các kỹ năng đọc hiểu cấp cao mới là phần cốt lõi của năng lực đọc hiểu, bởi vì với những kỹ năng này, người học mới có thể áp dụng nó lâu dài, không giới hạn vào tình huống học tập và chuyên môn.

*Thứ hai*, tìm thấy nổi bật của khảo sát là kỹ năng viết (phiếu bài tập khảo sát) thể hiện sau khi đọc của nhóm học sinh. Học sinh chỉ viết vài từ hay vài cụm từ hoặc nhiều lắm chỉ một hai câu. Cách viết ban đầu hầu như theo kiểu chọt nghĩ ra sao thì viết vậy hoặc theo kiểu lặp lại một vài thông tin từ bài đọc. Viết là phương tiện quan trọng để phát triển kỹ năng đọc hiểu, là tiến trình tích hợp tự nhiên với đọc và ngược lại. Hoạt động viết thể hiện sau đọc tự nó bao hàm nhiều kỹ năng đọc hiểu cấp cao như chọn lọc thông tin quan trọng từ bài đọc phù hợp với yêu cầu đề tài viết đặt ra, kết nối sắp xếp thông tin theo trình tự nào đó, mở rộng suy luận từ điều đã đọc, đưa ra một cách xem xét khác, cách nhìn khác về nội dung bài đọc, tập trung hơn vào từ ngữ bài đọc khi sử dụng lại các từ ngữ ấy.

### 2.2.3. Hệ thống bài tập đọc hiểu

Qua nghiên cứu và khảo sát, có 248 câu hỏi khai thác nội dung bài đọc trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp

2, cụ thể như sau: 45,97% (114 câu hỏi) thuộc nhóm bài tập nhận diện ngôn ngữ, 30,1% (92 câu hỏi) thuộc nhóm bài tập làm rõ nội dung bài đọc, 23,93% (42 câu hỏi) thuộc nhóm bài tập hỏi đáp văn bản.

- Nhóm bài tập nhận diện ngôn ngữ chiếm khá nhiều 45,97% (114/248 câu hỏi) chủ yếu tập trung vào bài tập nhận diện một số từ, câu, đoạn, chi tiết, hình ảnh nội dung trong văn bản; nhận biết địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện; nhận biết đặc điểm và tính cách của nhân vật... nhưng chưa quan tâm nhiều đến bài tập bình luận mối liên hệ giữa các dữ liệu trong bài đọc; làm rõ được đặc trưng thể loại.

- Nhóm bài tập làm rõ nội dung văn bản và hỏi đáp văn bản chủ yếu tập trung khai thác bài tập liên quan nhận diện nội dung bài đọc, nêu nhân vật yêu thích nhất và giải thích vì sao... Bài tập về giải thích/bình luận còn ít; bài tập giải quyết các tình huống hầu ít xuất hiện. Những câu hỏi hỏi đáp văn bản khá phù hợp với học sinh nhưng còn ít 23,93% (42/248 câu hỏi).

- Hình thức bài tập chưa phong phú. Các bài tập chủ yếu sử dụng câu hỏi tự luận - chủ yếu là tự luận đóng, câu hỏi trắc nghiệm khách quan - chủ yếu là chọn một đáp án. Hầu hết là dạng câu hỏi phát biểu cảm nghĩ về nhân vật, về chi tiết, hình ảnh hoặc những câu hỏi phán đoán về ý nghĩ của tác giả. Các bài tập đọc hiểu đang tập trung vào nhận biết, tái hiện các tình tiết của văn bản mà ít dạy học sinh hỏi đáp (đánh giá, liên hệ) nên chưa dạy học sinh đọc vận dụng, sáng tạo.

## 2.3. Bài tập đọc hiểu Tiếng Việt cho học sinh lớp 2 theo định hướng phát triển năng lực

### 2.3.1. Cách trình bày bài tập đọc hiểu

Mỗi bài tập đọc hiểu có cấu tạo hai phần: Phần câu hỏi (lệnh) và phần văn bản (ngữ liệu). Phần ngữ liệu là các đơn vị ngôn ngữ - lời nói (tiếng, từ, câu, đoạn, bài) hoặc có thể là tranh, ảnh, hình vẽ phản ánh hoặc khơi gợi nội dung (nghĩa, ý, chất liệu) của các đơn vị ngôn ngữ - lời nói mà học sinh cần phải sử dụng để suy nghĩ khi làm bài.

### 2.3.2. Hệ thống bài tập đọc hiểu

#### a. Bài tập nhận diện, tái hiện

\* Bài tập giúp học sinh nhận diện câu, đoạn quan trọng

(1) Gạch dưới ba câu thơ cho thấy trong ngày khai trường bạn nhỏ rất vui.

<i>Sáng đầu thu trong xanh</i>	<i>Gặp bạn, cười hớn hỡ</i>
<i>Em mặc quần áo mới</i>	<i>Đưa tay bắt mặt mừng</i>
<i>Đi đón ngày khai trường</i>	<i>Đưa ôm vai bá cổ</i>
<i>Vui như là đi hội</i>	<i>Cặp sách đưa trên lưng.</i>

Dựa vào bài “Ngày khai trường”. Đáp án: Vui như là đi hội/Gặp bạn, cười hớn hỡ/Đưa tay bắt mặt mừng.

(2) Những câu nói nào cho thấy hai anh em rất quan

tâm và yêu quý nhau?

Dựa vào bài “Niềm vui của Bi và Bồng”- Tiếng Việt 2. Đáp án: Nếu vậy, em sẽ lấy bút màu để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô. Còn anh sẽ vẽ tặng em búp bê và quần áo đủ các màu.

(3) Ghi lại câu văn cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại.

Dựa vào bài “Cây xấu hổ” - Tiếng Việt 2. Đáp án: Không biết bao giờ con chim xanh ấy quay trở lại?

\* Bài tập giúp học sinh phát hiện từ ngữ, chi tiết quan trọng

(1) Ba chi tiết nào cho thấy vào ngày khai trường bạn nhỏ trong bài “Tôi là học sinh lớp 2” rất khẩn trương, háo hức đến trường? Chọn đáp án đúng.

- a. Vùng dậy thật nhanh.
- b. Loáng một cái chuẩn bị xong mọi thứ.
- c. Ngạc nhiên và tìm tìm cười nhìn bố mẹ.
- d. Rối rít giục bố mẹ đến trường sớm nhất.

Dựa vào bài “Tôi là học sinh lớp 2”- Tiếng Việt 2. Đáp án. a,b,d.

(2) Nối từng ô ở cột trái với ô ở cột phải phù hợp với nội dung truyện “Một giờ học”:

a. Thái độ, hành động của thầy giáo	1. Lúng túng, đỏ mặt, ngập ngừng, vừa nói vừa gãi đầu. Nói to, nói với giọng rất tự tin
b. Sự thay đổi hành động, trạng thái của Quang	2. Cần tự tin khi giao tiếp với mọi người
c. Bài học rút ra từ câu chuyện	3. Bình tĩnh, nhắc để gợi ý, mỉm cười, kiên nhẫn, nghe, khen, vỗ tay

Dựa vào bài “Một giờ học” - Tiếng Việt 2. Đáp án: a-3, b-1, c-2

(3) Xếp đúng số thứ tự tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp.

- a. Yêu lớp học với khung cửa sổ đầy gió.
- b. Yêu sân trường đầy nắng mỗi giờ ra chơi.
- c. Yêu trường trong cả giấc mơ.

Thứ tự cần xếp: b, ....., .....

Dựa vào bài “Yêu lắm trường em!”- Tiếng Việt 2. Đáp án: b,a,c

b. Bài tập làm rõ nghĩa

\* Bài tập rõ nghĩa của câu, làm rõ ý đoạn

(1) Câu thơ “Mẹ là ngọn gió của con suốt đời” nói lên điều gì? Chọn câu trả lời đúng.

- a. Mẹ ngồi quạt cho con suốt đời.
- b. Tình yêu thương, chăm sóc của mẹ theo con suốt cả

cuộc đời.

c. Mẹ lúc nào cũng mát như ngọn gió.

Dựa vào bài “Mẹ”- Tiếng Việt 2. Đáp án: b

(2) Xếp các tranh sau theo đúng thứ tự (xem Hình 1, Hình 2 và Hình 3).



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Dựa vào bài “Cánh cửa nhớ bà”- Tiếng Việt 2. Đáp án: Thứ tự xếp 3,1,2.

(3) Xếp đúng số thứ tự con vật và đặc điểm riêng của từng con vật đến thăm bà tre.

- a. Bói cá: đỗ xuống, vụt bay lên rồi lại đậu xuống cành mềm.
- b. Éch: ì ộp gọi sao vang lừng.
- c. Chim cu: gật gù ca hát.
- d. Cò trắng: hạ cánh reo mừng
- e. Bò nông: đứng nhìn, im như tượng đá.

Thứ tự cần xếp: d, ....., ....., ....., .....

Dựa vào bài “Bò tre đón khách”- Tiếng Việt 2. Đáp án: Thứ tự xếp d, e, a, c, b.

\* Bài tập tìm ý của bài

(1) Hoàn thành câu giới thiệu về một loài chim. Chim (1)....., đôi mắt (2)....., mặt giống (3)....., nhấp nhem buồn ngủ.

Dựa vào bài “Về chim”- Tiếng Việt 2. Đáp án: cú mèo.

(2) Câu chuyện “Tớ nhớ cậu” có gì cảm động? Chọn đáp án đúng.

- a. Kiến và Sóc phải xa nhau nhưng luôn nhớ về nhau.
- b. Kiến và Sóc biết dùng thư để chuyện trò với nhau.
- c. Kiến và Sóc đều cố gắng viết chữ đẹp.

Dựa vào bài “Tớ nhớ cậu”- Tiếng Việt 2. Đáp án: a.

(3) Em đặt tên khác nào cho bài đọc?.....

Dựa vào bài “Họa mi hót”- Tiếng Việt 2. Đáp án: Sứ giả của mùa xuân.

c. Bài tập hỏi đáp

(1) Điền tiếp để hoàn thành lời giải thích.

Bài thơ có tên là Em mang về yêu thương vì.....

Dựa vào bài “Em mang về yêu thương”- Tiếng Việt 2. Đáp án: Bé ra đời làm cả nhà ngập tràn niềm vui.

(2) Điền từ ngữ vào chỗ trống

Em rất thích hình ảnh “Ngọn tre cong gọng vó/ Kéo

mặt trời lên cao”. Hình ảnh thơ giúp em tưởng tượng rất rõ hình ảnh ..... cong như ..... đang in bóng trên ....., như đang ..... lên cao.

Dựa vào bài “Lũy tre?”- Tiếng Việt 2. Đáp án: ngọn tre, gọng vó, bầu trời, kéo mặt trời.

(3) Dựa vào những ý thơ sau, em hãy viết tiếp câu mời cây xấu hổ làm quen với mình

<i>Tay em khẽ chạm</i>	<i>Mắt trong kẽ lá</i>
<i>Lá cụp vào rồi</i>	<i>Tình nghịch nhìn em</i>
<i>Cây như có mắt</i>	<i>Xin đừng xấu hổ</i>
<i>Phải không bạn ơi?</i>	<i>Cây hãy làm quen</i>

Cây ơi, bạn hãy .....  
Dựa vào bài “Cây xấu hổ”- Thái Thăng Long. Đáp

án: Cây ơi, bạn hãy mở mắt làm quen với mình nào!

### 3. Kết luận

Hệ thống bài tập tiếng Việt là một trong những thâm nhập sâu hơn vào vùng đọc hiểu của học sinh, là cơ hội để học sinh trải nghiệm. Tính logic trong phát triển năng lực qua tổ hợp các bài tập nghe, đọc, nói, viết và cụ thể hóa bằng các graph bài tập mang tính thực hành, ứng dụng. Việc ứng dụng và tổ chức bài tập trong giờ tiếng Việt góp phần đưa những thiết kế vào nhà trường tiểu học, đảm bảo cho các bài tập mang tính ứng dụng, phát huy được tác dụng trong việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh.

#### Tài liệu tham khảo

- |  |   |
|--|---|
| [1] Nguyễn Thị Hạnh, (01/2018), <i>Xác định các thành tố của kỹ năng đọc cơ bản</i> , Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 01.              | Trần Thị Kim Thoa, (2021), <i>Bài tập tiếng Việt cơ bản và nâng cao theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, (tập 1,2)</i> , NXB Giáo dục Việt Nam.             |
| [2] Bùi Mạnh Hùng, (2021), <i>Tiếng Việt lớp 2 (tập 1,2)</i> , Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam. | [4] Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, Lê Phương Nga, (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. |
| [3] Lê Phương Nga, Lê Thị Mai An, Nguyễn Thị Dung,   |   |

## READING COMPREHENSION EXERCISES FOR GRADE 2 STUDENTS IN THE DIRECTION OF COMPETENCE DEVELOPMENT

### Le Thi Mai An

Email: lethimaian.dth@gmail.com  
Dong Thap University  
783 Pham Huu Lau, Cao Lanh city,  
Dong Thap province, Vietnam

**ABSTRACT:** *Reading is a language activity of the Vietnamese language and Literature curriculum in primary school, ensuring the development of each student in learning, working, and communicating. This issue has been studied extensively but it still needs to be further investigated. Focusing on the goal of developing the competence of the Vietnamese language and Literature curriculum, the authors propose a measure of reading comprehension in a selected case as a reading comprehension exercise. We chose a number of exercises to conduct experiments because these exercises meet the criteria set forth by this study in the direction of competence development but still suitable for students.*

**KEYWORDS:** *Competence, reading comprehension, Vietnamese language and Literature subject, exercises.*